

Bản án số: **281/2020/HS-PT**

Ngày: 28 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Mai Xuân Thành**

Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đình N Kính**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 262/2020/TLPT-HS ngày 17-7-2020 đối với bị cáo **Hồ Đức A** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HSST ngày 16-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hồ Đức A, sinh ngày 2/2/1994 tại Nghệ An. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở thường trú, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Hồ N T, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1978. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn. Chưa có vợ.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị khởi tố về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo bị truy nã, bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trương Thị P – VPLS T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Bị hại:*

- A Nguyễn Sỹ Như N, sinh năm 1989. Địa chỉ:
thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
 - Chị Hồ Thị S, sinh năm 1973. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
 - Chị Phạm Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- * *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Đức A, là nhân viên làm tại bộ phận quan hệ khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Gia Lai. T tháng 8/2018, Hồ Đức A thường xuyên chơi đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá qua mạng internet, quá trình chơi cá độ do bị thua nhiều, không có tiền trả cho nhà cái nên Hồ Đức A đã lợi dụng danh nghĩa là nhân viên ngân hàng để đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khách hàng và làm ăn kinh doanh, tin tưởng là thật nên nhiều người đã cho Hồ Đức A vay tiền. Sau khi vay được tiền, Hồ Đức A đã sử dụng tiền chơi cá độ bóng đá, trả tiền cho nhà cái, trả tiền lãi cho chính những người Hồ Đức A vay tiền, dùng tiền vay của người cho vay sau trả tiền lãi cho người cho vay trước. Khi hết khả năng vay được tiền để tiếp tục xoay vòng trả tiền lãi thì ngày 12/7/2019, Hồ Đức A bỏ trốn khỏi nơi cư trú, chiếm đoạt số tiền 7.613.400.000 đồng của 04 cá nhân, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt số tiền 4.863.400.000 đồng của ông Nguyễn Sỹ Như N (sinh năm: 1989, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai).

Tháng 7/2017, ông Nguyễn Sỹ Như N đến Ngân hàng A - Chi nhánh Gia Lai để tìm hiểu về lãi suất và đặt vấn đề vay vốn để đầu tư kinh doanh thì gặp Hồ Đức A. Sau đó được Đức A thăm định và làm thủ tục vay vốn nên từ đó biết ông N có nhiều tài sản thế chấp cũng như khả năng tài chính.

Vì cần tiền trả nợ nên khoảng tháng 11/2018, biết ông N chưa sử dụng hết số tiền vay, Hồ Đức A đã đặt vấn đề vay tiền của ông N, để tạo sự tin tưởng cho ông N thì Đức A đã đưa ra thông tin gian dối, vay tiền để đầu tư làm ăn, mua bán bất động sản và đáo hạn ngân hàng để hưởng chênh lệch tiền lãi. Hồ Đức A không đưa ra mức lãi suất phải trả cho ông N cụ thể là bao nhiêu nhưng cam kết sẽ trả cao hơn lãi suất ngân hàng để Đức A đáo hạn cho khách và đầu tư kinh doanh; chia đôi lợi nhuận đối với khoản vay đầu tư mua bất động sản; việc thanh toán tiền lãi trước ngày 15 hàng tháng để ông N trả tiền lãi cho Ngân hàng, thì ông N tin tưởng, đồng ý. T ngày 21/11/2018 đến 07/6/2019, ông N đã có 12 lần đưa cho Đức A vay với tổng số tiền 4.863.400.000 đồng, cụ thể từng lần như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 20/11/2018, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 250.000.000 đồng để đáo hạn cho khách, ông N đồng ý. Ngày 21/11/2018, sau khi được Ngân hàng A - Gia Lai giải ngân số tiền 980.000.000 đồng, ông N đã lấy 250.000.000 đồng đưa cho Đức A vay. Việc giao nhận tiền giữa hai bên không có người chứng kiến và không có giấy tờ.

- Lần thứ hai: Ngày 22/11/2018, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 300.000.000 đồng để đáo hạn cho khách, ông N đồng ý. Ngày 23/11/2018, ông N đến Ngân hàng A rút khoản tiền vay 285.000.000 đồng, lấy thêm 15.000.000 đồng có sẵn cho đủ 300.000.000 đồng rồi đưa Hồ Đức A. Việc giao nhận tiền giữa hai bên không có người chứng kiến và không có giấy tờ.

- Lần thứ ba: Ngày 26/11/2018, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 450.000.000 đồng để kinh doanh bất động sản và đáo hạn cho khách, ông N đồng ý. Ngày 27/11/2018, ông N đến Ngân hàng A rút khoản tiền vay 440.000.000 đồng, lấy thêm 10.000.000 đồng có sẵn cho đủ 450.000.000 đồng, rồi đến Ngân hàng S - Chi nhánh Gia Lai nộp vào tài khoản số 0400.7301.8678 của Hồ Đức A.

- Lần thứ tư: Ngày 30/11/2018, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 100.000.000 đồng để đáo hạn cho khách, ông N đồng ý. Ngày 01/12/2018, ông N đến Ngân hàng A rút khoản tiền vay 100.000.000 đồng rồi đến Ngân hàng S - Chi nhánh Gia Lai nộp vào tài khoản số 0400.7301.8678 của Hồ Đức A.

- Lần thứ năm: Ngày 04/12/2018, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 400.000.000 đồng để đáo hạn cho khách, ông N đồng ý. Sau đó, ông N đến Ngân hàng A rút khoản tiền vay 400.000.000 đồng rồi đến Ngân hàng S - Chi nhánh Gia Lai nộp vào tài khoản số 0400.7301.8678 của Hồ Đức A.

- Lần thứ sáu: Ngày 06/12/2018, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 200.000.000 đồng, tuy không nói mục đích làm gì nhưng ông N vẫn đồng ý. Sau đó, ông N đến Ngân hàng A rút khoản tiền vay 300.000.000 đồng, rồi lấy ra 200.000.000 đồng đến Ngân hàng S - Chi nhánh Gia Lai nộp vào tài khoản số 0400.7301.8678 của Hồ Đức A.

- Lần thứ bảy: Ngày 08/12/2018, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 50.000.000 đồng để có thêm vốn làm ăn, ông N đồng ý. Sau đó, ông N đến Ngân hàng S - Chi nhánh Gia Lai ký Ủy nhiệm chi chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản số 0400.7738.4059 của ông N vào tài khoản số 0400.7301.8678 của Hồ Đức A.

- Lần thứ tám: Ngày 11/12/2018, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 500.000.000 đồng đáo hạn cho khách, ông N đồng ý. Ngày 12/12/2018, ông N đến Ngân hàng A rút khoản tiền vay 495.000.000 đồng, lấy thêm 5.000.000 đồng có sẵn cho đủ 500.000.000 đồng, rồi đến Ngân hàng S - Chi nhánh Gia Lai nộp vào tài khoản số 0400.7301.8678 của Hồ Đức A.

- Lần thứ chín: Ngày 04/01/2019, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N 100.000.000 đồng để đáo hạn cho khách, ông N đồng ý. Lúc này, ông N đang có sẵn tiền nên đã đến Ngân hàng S - Chi nhánh Gia Lai nộp 100.000.000 đồng vào tài khoản số 0400.7301.8678 của Hồ Đức A.

- Lần thứ mười: Ngày 15/01/2019, Hồ Đức A thông báo cho ông N biết tổng số tiền lãi của các khoản vay từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/01/2019 của ông N là 136.600.000 đồng. Sau đó, Hồ Đức A đặt vấn đề cần bổ sung vốn làm ăn và đề nghị cho vay số tiền 150.000.000 đồng, ông N đồng ý. Ngày 17/01/2019, ông N đưa cho Đức A số tiền 13.400.000 đồng cộng với số tiền lãi mà Đức A đang giữ thành khoản vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nhưng không có giấy tờ, chứng từ gì. Đến ngày 20/02/2019, Hồ Đức A nhắn tin qua mạng xã hội (Facebook messenger) xác nhận đang nợ ông N tổng số tiền 2,5 tỷ đồng của 10 lần vay, từ ngày 21/11/2018 đến ngày 17/01/2019.

- Lần thứ mười một: Ngày 20/02/2019, Hồ Đức A đặt vấn đề vay ông N số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để đáo hạn cho khách, ông N đồng ý. Ngày 22/02/2019, ông N đã vay Ngân hàng A 1.000.000.000 đồng rồi đưa cho Đức A vay. Việc giao nhận tiền này không thể hiện giấy tờ, đến 18h20', ngày 22/02/2019, Đức A nhắn tin cho ông N có nội dung "*Ngày 22.2.2019 em nhận 1000tr, tổng 3.500tr*".

- Lần thứ mười hai: Sau lần vay trên, Đức A tiếp tục đưa ra thông tin về việc đang sử dụng tiền vay của Hồ Đức A để đáo hạn Ngân hàng, xây dựng nhà hàng tiệc cưới phường T, thành phố P và dịch vụ nhà sạch. T ngày 07/5/2019 đến ngày 14/5/2019, Hồ Đức A nhiều lần gửi danh sách khách hàng đến kỳ đáo hạn, đưa ra thông tin thiếu vốn làm ăn và đặt vấn đề vay thêm số tiền 1,5 tỷ đồng, hứa hẹn đến tháng 8/2019 sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã vay, ông N tin tưởng, đồng ý. Ngày 07/6/2019, ông N đã vay Ngân hàng B - Chi nhánh Gia Lai số tiền 1.500.000.000 đồng rồi đưa cho Đức A vay. Việc giao nhận tiền này không thể hiện giấy tờ, đến 17h52' ngày 10/6/2019, Đức A nhắn tin cho ông N có nội dung "*Thứ 6, ngày 7/6/2019 em nhận a N 1,5ty. Tổng 5ty*" để xác nhận Đức A đã nhận được 1.500.000.000 đồng và đã vay của ông N 5.000.000.000 đồng.

Đến ngày 12/7/2019, Hồ Đức A cắt liên lạc, nghỉ việc, bỏ đi khỏi địa phương chiếm đoạt số tiền đã nhận thực tế từ ông Nguyễn Sỹ Như N là 4.863.400.000 đồng.

2. *Chiếm đoạt số tiền 900.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T (sinh năm: 1972, trú tại: 42/42 Đặng Thai Mai, tổ 7, phường Thắng Lợi, Tp. P, tỉnh Gia Lai).*

Tháng 10/2017, qua hoạt động vay tiền tại Ngân hàng thì bà Nguyễn Thị T gặp và quen biết Hồ Đức A. T tháng 10/2018 đến đầu tháng 7/2019, bà Nguyễn Thị T nhiều lần cho Hồ Đức A vay tiền để Đức A đáo hạn cho khách, mỗi lần vay từ khoảng 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) đến 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay từ 02 đến 03 ngày thì thanh toán dứt điểm cả gốc lẫn lãi.

Do cần tiền để trả nợ và chơi đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá qua mạng internet nên vào ngày 03/7/2019, Hồ Đức A đã đến nhà bà Nguyễn Thị T đặt vấn đề vay số tiền 900.000.000 đồng, Đức A đã đưa ra thông tin gian dối, vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khách, thời hạn vay từ 07 - 10 ngày sẽ trả lại cả gốc và lãi. Tin tưởng là thật nên bà T đã đưa cho Đức A 900.000.000 đồng. Đức A nhận tiền rồi viết "*Ngày 3/7/2019, tôi có mượn của cô Nguyễn Thị T 900 triệu đồng (Chín trăm triệu đồng)*" vào tờ giấy ô ly học sinh rồi đưa cho bà T giữ. Sau khi nhận được

tiền, Hồ Đức A đã sử dụng để trả nợ và chơi đánh bạc hết. Đến ngày 12/7/2019, Hồ Đức A cắt liên lạc, nghỉ việc, bỏ đi khỏi địa phương chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T số tiền 900.000.000 đồng.

3. *Chiếm đoạt số tiền 1.550.000.000 đồng của bà Hồ Thị S (sinh năm: 1973, trú tại: Tp. P, tỉnh Gia Lai).*

Tháng 02/2019, thông qua bà Nguyễn Thị T (sinh năm: 1972, trú tại: 42/42 Đặng Thai Mai, tổ 7, phường Thắng Lợi, Tp. P, tỉnh Gia Lai) thì bà Hồ Thị S đã quen biết Hồ Đức A. Đến tháng 6/2019, bà S đặt vấn đề nhờ Đức A thăm định vay vốn giúp cho em họ là Lê Thị T (trú tại: huyện I), Đức A đồng ý. Do đang cần tiền để trả nợ và chơi cá độ bóng đá nên Hồ Đức A đưa ra thông tin gian dối có khách hàng đang nợ 5.000.000.000 đồng, cần đáo hạn trước khoản vay 1.900.000.000 đồng và đặt vấn đề vay của bà S số tiền 1.550.000.000 đồng, lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày và hứa hẹn sau khi đáo hạn cho khách xong thì sẽ đi làm thủ tục cho Lê Thị T vay tiền. Tin tưởng là thật nên bà S đồng ý.

Ngày 29/6/2019, bà Hồ Thị S đưa cho Hồ Đức A 03 lần tổng cộng số tiền 1.550.000.000 đồng. Đức A nhận tiền rồi viết “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 29/6/2019 và “*Giấy vay tiền*” đề ngày 29/6/2019 đưa cho bà S giữ. Sau khi nhận được tiền, Hồ Đức A đã sử dụng để trả nợ và chơi đánh bạc hết. Đến ngày 12/7/2019, Hồ Đức A cắt liên lạc, nghỉ việc, bỏ đi khỏi địa phương, chiếm đoạt của bà Hồ Thị S số tiền 1.550.000.000 đồng.

4. *Chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của bà Phạm Thị H (sinh năm: 1975, trú tại: Tp. P, tỉnh Gia Lai).*

Đầu năm 2019, bà Phạm Thị H quen biết Hồ Đức A thông qua anh Trịnh Văn T (sinh năm: 1989, trú tại: Tp. P, tỉnh Gia Lai) là cháu của bà H, cùng làm với Hồ Đức A tại Ngân hàng A - Chi nhánh Gia Lai.

Do đang cần tiền để trả nợ và chơi cá độ bóng đá nên Hồ Đức A đưa ra thông tin gian dối cần tiền để đáo hạn cho khách hàng, rồi đặt vấn đề vay của anh Trịnh Văn T số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh T không có tiền nên đã giới thiệu và nhờ bà Phạm Thị H giúp cho Đức A vay tiền. Sau đó, Đức A đặt vấn đề vay bà H 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn 02 ngày, bà H đồng ý. Khoảng 16h15’, ngày 10/7/2019, bà H giao cho Đức A 300.000.000 đồng. Đức A nhận xong viết vào giấy ô ly học sinh có nội dung “*Hôm nay, ngày 10/7/2019, tôi có mượn của cô Phạm Thị H số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Hẹn trong hai ngày sẽ trả*” rồi đưa cho bà H giữ. Sau khi nhận được tiền, Hồ Đức A đã sử dụng để trả nợ và chơi đánh bạc hết, đến ngày 12/7/2019, Hồ Đức A cắt liên lạc, nghỉ việc, bỏ đi khỏi địa phương chiếm đoạt của bà Phạm Thị H số tiền 300.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 580/KLGD, ngày 12/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các giấy vay tiền do các bị hại cung cấp là do Hồ Đức A viết, ký ra.

* Dân sự:

- Các bị hại yêu cầu Hồ Đức A hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.
- Trong quá trình vay tiền của ông Nguyễn Sỹ Như N thì Hồ Đức A đã nhiều lần trả tiền lãi cho ông N với tổng số tiền là 623.450.000 đồng.

* Vật chứng: Không.

* Đồ vật, tài liệu:

Quá trình điều tra đã thu giữ của Hồ Đức A:

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, Imei 1: 358916074227542, Imei 2: 358916074227559.

- 01 Chứng minh nhân dân, số 230961509, mang tên Hồ Đức A.

Tại Cáo trạng số 34/CT- VKS- P1 ngày 16 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố Hồ Đức A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HSST ngày 16-6-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Hồ Đức A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hồ Đức A 15(mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/11/2019

2. Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Hồ Đức A phải trả lại cho các bị hại tổng số tiền 7.126.550.000 đồng, cụ thể:

Trả cho ông Nguyễn Sỹ Như N số tiền 4.376.550.000 đồng

Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 900.000.000 đồng

Trả cho bà Hồ Thị S số tiền 1.550.000.000 đồng

Trả cho bà Phạm Thị H số tiền 300.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/6/2020 bị cáo Hồ Đức A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 30/6/2020 Người bị hại ông Nguyễn Sỹ Như N, bà Hồ Thị S, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị H kháng cáo cho rằng bị cáo Hồ Đức A không trung thực trong việc khai đã có vợ hay chưa? Bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cố tình thực hiện hành vi phạm tội đến cùng; đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để phạm tội, phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên; bị cáo không tự giác và không có ý thức bồi thường cho các bị hại; đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo và xem xét trách nhiệm và

nghĩa vụ của cha mẹ bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần với thủ đoạn tinh vi để chiếm đoạt số tiền rất lớn của các bị hại. Mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, không có cơ sở để xem xét kháng cáo xin giảm hình phạt đối với bị cáo, cũng như kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đồng thuận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét thêm nhân thân của bị cáo phạm tội lần đầu để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của Hồ Đức A tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định: xuất phát từ việc không có khả năng trả nợ cho các khoản vay mượn và chi tiêu hàng ngày, Hồ Đức A nảy sinh ý định lợi dụng danh nghĩa là nhân viên ngân hàng, đưa ra thông tin gian dối hiện đang có nhu cầu vay tiền để kinh doanh và làm dịch vụ đảo hạn tín dụng cho khách hàng, sẽ trả lãi suất cao hơn ngân hàng, dẫn đến những người bị hại tin tưởng, cho A vay tiền; sau khi lấy được tiền thì A chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân. Với thủ đoạn gian dối như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 20/11/2018 đến ngày 10/7/2019, Hồ Đức A đã nhiều lần vay tiền rồi chiếm đoạt của các ông, bà: Nguyễn Sỹ Như N, Nguyễn Thị T, Hồ Thị S và Phạm Thị H, với tổng số tiền là 7.613.400.000 đồng. Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Hồ Đức A “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của những người bị hại, thấy: Hành vi phạm tội của Hồ Đức A là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại, trong thời gian dài và với số tiền rất lớn nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội và làm ảnh hưởng đến uy tín cũng như những hoạt động đúng đắn của Ngân hàng; sau khi phạm tội đã bỏ trốn, gây khó khăn đối với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, xử lý. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chưa đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra; quá nhấn mạnh đến các tình tiết giảm nhẹ, tuyên phạt bị cáo 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là không thỏa đáng; hình phạt trên chưa tương xứng với hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra và hiện nay cũng không khắc phục bồi thường cho những người bị hại. Vì vậy, nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo của những người bị hại là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo, thấy: như đã phân tích tại mục [2], Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là nhẹ, không tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra. Do đó, nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[4]. Các ông, bà: Nguyễn Sỹ Như N, Nguyễn Thị T, Hồ Thị S và Phạm Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Hồ Đức A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Đức A; chấp nhận kháng cáo các ông, bà: Nguyễn Sỹ Như N, Nguyễn Thị T, Hồ Thị S và Phạm Thị H, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Đức A: 16 (Mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2019.

2. Bị cáo Hồ Đức A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các ông, bà: Nguyễn Sỹ Như N, Nguyễn Thị T, Hồ Thị S và Phạm Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS – Công an tp P.
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn